

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Truyền thông VMG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG.

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG (“Công ty”) như sau:

Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC theo đúng chuẩn mực, được Ban kiểm soát Công ty kiểm tra và Công ty công bố theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website: <https://www.vmgmedia.vn> bao gồm:

- 1) Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập;
- 2) Bảng Cân đối kế toán;
- 3) Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
- 4) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
- 5) Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trong đó có một số chỉ tiêu trọng yếu trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính 2025 (VNĐ)
A	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	
I	TỔNG TÀI SẢN	783.029.067.013
1	Tài sản ngắn hạn	718.897.045.170
2	Tài sản dài hạn	64.132.021.843
II	TỔNG NGUỒN VỐN	783.029.067.013
1	Nợ phải trả	193.478.699.295
a	Nợ ngắn hạn	191.939.275.420
b	Nợ dài hạn	1.539.423.875
2	Vốn chủ sở hữu	589.550.367.718
B	KẾT QUẢ KINH DOANH	
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	1.320.436.654.028

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRUYỀN THÔNG VMG**

Số 02/TTr-VMG/DHĐCĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 13 tháng 05 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần truyền thông VMG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Truyền thông VMG kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
I	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025	
1	Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.320.436.654.028
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	98.672.412.687
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2025	120.463.026.764
II	Phương án phân phối lợi nhuận	
1	Trích lập các Quỹ, trong đó:	
1.1	Quỹ đầu tư phát triển (...% LNPP)	0
1.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (...% LNPP)	0
2	Chia cổ tức năm 2025 bằng tiền (...% LNPP), tương đương ...%/Vốn điều lệ (tính theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty là 20.389.000 cổ phiếu)	
III	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (*)	120.463.026.764



Ghi chú: thêm phần thuyết minh

(*) Phần còn lại của toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến thời điểm 31/12/2025 là 120.463.026.764 sẽ được để lại bổ sung vào vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và củng cố năng lực tài chính của Công ty. Nguồn vốn này sẽ được phân bổ chiến lược nhằm tối ưu hóa hiệu quả của các mảng kinh doanh hiện tại, đồng thời tập trung đầu tư phát triển các dịch vụ mới có tiềm năng bứt phá và mang lại giá trị tăng trưởng cao trong tương lai.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

Nơi nhận

- ĐHĐCĐ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Nam



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRUYỀN THÔNG VMG**

Số 03/TTr-VMG/ĐHĐCĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 13 tháng 05 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần truyền thông VMG

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG;
- Căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và dự báo về lĩnh vực Công nghệ, thông tin và truyền thông trong năm 2026.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026 bao gồm các nội dung như sau:

- | | |
|----------------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu năm 2026 | : 1.481.524 triệu đồng |
| 2. Lợi nhuận trước thuế năm 2026 | : 38.565 triệu đồng |
| 3. Tỷ lệ cổ tức năm 2026 dự kiến | : 5% /Vốn điều lệ |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoàng Nam



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRUYỀN THÔNG VMG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số 04/TTr-VMG/ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 13 tháng 05 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Truyền thông VMG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG;
- Căn cứ Danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ban kiểm soát (“BKS”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2026 cho Công ty Cổ phần Truyền thông VMG (“Công ty”) như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

Ban kiểm soát đề xuất với Đại hội đồng cổ đông tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt nam;
- Nằm trong danh sách được Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026;
- Có uy tín, thương hiệu trong lĩnh vực kiểm toán tại Việt Nam;
- Có kinh nghiệm trong việc triển khai kiểm toán cho các công ty đại chúng và các công ty viễn thông tại Việt Nam phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty;
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ chuyên môn tốt và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu về phạm vi kiểm toán, kế hoạch kiểm toán của Công ty;
- Không có xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với phạm vi kiểm toán và kế hoạch kiểm toán của Công ty.

2. Đề xuất ĐHĐCĐ thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán

Với đề xuất nêu trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Các tiêu chí nêu tại mục 1 Tờ trình này để làm căn cứ lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét BCTC trong năm 2026 của Công ty.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 công ty kiểm toán và giao cho ban Tổng Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán, soát xét BCTC năm 2026 của



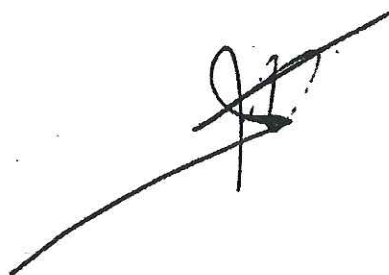
Công ty trên cơ sở đáp ứng các tiêu thức đã đề ra và đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VP.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thời Đại



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRUYỀN THÔNG VMG**

Số 05/TTr-VMG/ĐHĐCĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 13 tháng 05 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v: Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần truyền thông VMG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu đồng quản trị Công ty Cổ phần truyền thông VMG số 29/2026/BBH-HĐQT ngày 29/04/2026.

Để đảm bảo gắn trách nhiệm với quyền lợi của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong công tác điều hành, giám sát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua mức thù lao chi trả cho Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban kiểm soát (“BKS”) năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026 như sau:

1. Mức thù lao đã chi trả cho thành viên HĐQT và thành viên BKS năm 2025:

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, ĐHĐCĐ đã chi trả mức thù lao dành cho thành viên HĐQT và thành viên BKS trong năm 2025 (tổng cộng 307.494.040 VNĐ) theo đúng kế hoạch được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Thông tin chi tiết HĐQT đã báo cáo cụ thể trong Báo cáo tài chính năm 2025.

2. Kế hoạch chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và thành viên BKS năm 2026:

STT	Chức danh	Số người	Mức thù lao (VNĐ/tháng)	Số tháng	Tổng chi phí dự kiến
1	Chủ tịch HĐQT	1	7.000.000	12	84.000.000
2	Thành viên HĐQT	4	5.000.000	12	240.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	1	5.000.000	12	60.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	2	3.000.000	12	72.000.000
Tổng cộng					456.000.000
Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi sáu triệu đồng chẵn./.					

3. Thời điểm thực hiện: Từ ngày 13/5/2026 đến ngày 31/12/2026.

4. Nguyên tắc thực hiện:

- Thực hiện theo đúng chế độ, chính sách của Công ty và quy định của pháp luật. Trong đó:
 - + Đối với thành viên HĐQT/BKS không hưởng lương tại Công ty: Chi trả thù lao theo định mức và nghị quyết của ĐHĐCĐ.
 - + Đối với các thành viên đồng thời đảm nhiệm chức danh quản lý điều hành tại Công ty, thù lao HĐQT/BKS được chi trả độc lập với tiền lương và các chế độ phúc lợi khác theo hợp đồng lao động.
 - + Thù lao được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty và chưa bao gồm thuế thu nhập cá nhân. Công ty thực hiện khấu trừ tại nguồn trước khi chi trả.
- Ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc chi trả thù lao, thưởng (nếu có) cho các thành viên HĐQT và thành viên BKS.

Kính trình Đại Hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- $\mathcal{D}H\mathcal{D}C\mathcal{D}$;
- $L_{\mathcal{H}}: VP$.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoàng Nam



TỜ TRÌNH

(V/v: Điều chỉnh và bổ sung ngành nghề kinh doanh)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Truyền thông VMG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG;
- Căn cứ tình hình thực tế và định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG.

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Truyền thông VMG (“Công ty”) trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc bổ sung danh mục mã ngành nghề kinh doanh.
2. Thông qua việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 15/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.
3. Thông qua việc bỏ ngành nghề kinh doanh do mã ngành không còn tồn tại trong Quyết định 36/2025/QĐ-TTg.
4. Triển khai thực hiện và ủy quyền:
 - ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định việc lựa chọn, điều chỉnh hoặc chi tiết hóa các ngành nghề kinh doanh (bao gồm cả mã ngành cấp 4 và nội dung chi tiết) nhằm đảm bảo tính tương thích với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam hoặc theo yêu cầu thực tế của Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.
 - ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc sửa đổi, cập nhật nội dung các ngành nghề kinh doanh tương ứng trong Điều lệ Công ty sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh.
 - HĐQT được quyền ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT hoặc người đại diện theo pháp luật tiến hành các thủ tục đăng ký biến động kinh doanh tại cơ quan chức năng, ký kết các văn bản, hồ sơ liên quan để hoàn tất việc bổ sung ngành nghề kinh doanh theo đúng quy định của Pháp luật.
 - Trong trường hợp có sự thay đổi quy định về mã ngành nghề kinh tế hoặc yêu cầu sửa đổi từ Cơ quan có thẩm quyền, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc cập nhật, điều chỉnh mã ngành nghề phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

(Nội dung chi tiết được nêu tại Phụ lục 01 đính kèm.)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- $\mathcal{D}H\mathcal{D}C\mathcal{D}$;
- $Li u: VP$.



PHỤ LỤC 01

**BẢNG TỔNG HỢP NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG**

(Đính kèm Tờ trình số 06 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh)

I. Căn cứ pháp lý:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020);
- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.
- Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 15/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (thay thế Quyết định 27/2018/QĐ-TTg)
- Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG ban hành ngày 03/05/2024.

II. Nội dung điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung:

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau để phù hợp với định hướng mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn tiếp theo:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)
1	Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm	7810	
2	Cung ứng lao động tạm thời	7821	
3	Cung ứng nguồn nhân lực khác	7822	

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
1	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791	Ngành nghề không còn tồn tại trong Quyết định 36/2025/QĐ-TTg

3. Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý và/hoặc do thay đổi tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg:

TRƯỚC KHI CẬP NHẬT			SAU KHI CẬP NHẬT		
STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành	STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
1	Cổng thông tin (Không hoạt động báo chí)	6312	1	Hoạt động công tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác (Không hoạt động báo chí)	6390
2	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741	2	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông	4740
3	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Dịch vụ trò chơi trực tuyến; - Dịch vụ truyền thông, phát hành xuất bản phẩm (sách, báo, tạp chí định kỳ); - Đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ gia tăng giá trị trên mạng viễn thông, Internet Việt Nam; - Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên	6190 (Chính)	3	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Dịch vụ trò chơi trực tuyến; - Dịch vụ truyền thông, phát hành xuất bản phẩm (sách, báo, tạp chí định kỳ);	6910 (Chính)

TRƯỚC KHI CẬP NHẬT			SAU KHI CẬP NHẬT		
STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành	STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
	<p>mạng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ nội dung thông tin số: là dịch vụ được cung cấp trên môi trường mạng hoạt động trực tiếp hỗ trợ, phục vụ việc sản xuất, khai thác, phát hành, nâng cấp, bảo hành, bảo trì sản phẩm nội dung thông tin số và các hoạt động tương tự khác liên quan đến nội dung thông tin số; - Cung cấp dịch vụ nội dung tin trên mạng viễn thông di động; - Cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông; - Đại lý dịch vụ viễn thông (Điều 15 Luật Viễn thông) - Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (Điều 11 Nghị định 130/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giao dịch điện tử về Chữ ký số và chứng thực chữ ký số) - Dịch vụ cấp dấu thời gian (Điều 30 Nghị định 130/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giao dịch điện tử về Chữ ký số và chứng thực chữ ký số) - Thiết lập mạng viễn thông công cộng: Thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (mạng viễn thông di động ảo) (Điều 36 Luật Viễn thông, Khoản 2 Điều 20 Nghị định 25/2011/NĐ-CP hướng dẫn Luật Viễn thông) 			<ul style="list-style-type: none"> - Đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ gia tăng giá trị trên mạng viễn thông, Internet Việt Nam; - Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; - Dịch vụ nội dung thông tin số: là dịch vụ được cung cấp trên môi trường mạng hoạt động trực tiếp hỗ trợ, phục vụ việc sản xuất, khai thác, phát hành, nâng cấp, bảo hành, bảo trì sản phẩm nội dung thông tin số và các hoạt động tương tự khác liên quan đến nội dung thông tin số; - Cung cấp dịch vụ nội dung tin trên mạng viễn thông di động; - Cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông; - Đại lý dịch vụ viễn thông (Điều 14 Luật Viễn thông 2023) - Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (Điều 26 Nghị định 23/2025/NĐ-CP quy định về Chữ ký điện tử và Giao dịch tin cậy) - Dịch vụ cấp dấu thời gian (Điều 24 Nghị định 23/2025/NĐ-CP quy định về Chữ ký điện tử và Giao dịch tin cậy) - Thiết lập mạng viễn thông công cộng: Thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (mạng viễn thông di động ảo) 	

TRƯỚC KHI CẬP NHẬT			SAU KHI CẬP NHẬT		
STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành	STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
				(Điều 36 Luật Viễn thông 2023, Khoản 3 Điều 32 Nghị định 163/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Viễn thông)	
4	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên; Dịch vụ tư vấn du học	8560	4	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác Chi tiết: Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên; Dịch vụ tư vấn du học	8569
5	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Sản xuất, mua bán, tổ chức các chương trình phát thanh, truyền hình, biểu diễn nghệ thuật sân khấu (trừ các chương trình Nhà nước cấm);	5911	5	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình Chi tiết: Sản xuất, mua bán, tổ chức các chương trình phát thanh, truyền hình, biểu diễn nghệ thuật sân khấu (trừ các chương trình Nhà nước cấm);	5911
6	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Mua bán thiết bị, máy móc phục vụ trong ngành truyền thông, viễn thông, công nghệ thông tin; - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy (Khoản 9 Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Phòng cháy và chữa cháy)	4659	6	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Mua bán thiết bị, máy móc phục vụ trong ngành truyền thông, viễn thông, công nghệ thông tin; - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy	4659

TRƯỚC KHI CẬP NHẬT			SAU KHI CẬP NHẬT		
STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành	STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
7	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ vui chơi giải trí trên truyền hình, các phương tiện thông tin đại chúng (trừ các loại hình vui chơi giải trí Nhà nước cấm);	9329	7	Hoạt động vui chơi giải trí khác Chi tiết: Dịch vụ vui chơi giải trí trên truyền hình, các phương tiện thông tin đại chúng (trừ các loại hình vui chơi giải trí Nhà nước cấm);	9329
8	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi Chi tiết: Sửa chữa và các dịch vụ tư vấn phần cứng máy tính	9511	8	Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông Chi tiết: Sửa chữa và các dịch vụ tư vấn phần cứng máy tính	9510
9	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính Chi tiết: Sản xuất phần cứng máy tính;	2620	9	Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính Chi tiết: Sản xuất phần cứng máy tính;	2620
10	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: - Sản xuất và các dịch vụ tư vấn phần mềm máy tính; - Bán buôn phần mềm.	4651	10	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: - Sản xuất và các dịch vụ tư vấn phần mềm máy tính; - Bán buôn phần mềm.	4651
11	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: Hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê, dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan như: hoạt động cho thuê riêng như cho thuê trang Web, dịch vụ truyền suốt hoặc cho thuê ứng dụng, cung cấp các dịch vụ ứng dụng thiết bị mainframe phần thời	6311	11	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan Chi tiết: Hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê, dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan như: hoạt động cho thuê riêng như cho thuê trang Web, dịch vụ truyền suốt hoặc cho thuê ứng dụng, cung cấp các dịch vụ	6310

TRƯỚC KHI CẬP NHẬT			SAU KHI CẬP NHẬT		
STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành	STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
	cho khách hàng. Hoạt động xử lý dữ liệu bao gồm xử lý hoàn chỉnh và báo cáo các kết quả đầu ra cụ thể từ các dữ liệu do khách hàng cung cấp hoặc nhập tin và xử lý dữ liệu tự động;.			ứng dụng thiết bị mainframe phân thời cho khách hàng. Hoạt động xử lý dữ liệu bao gồm xử lý hoàn chỉnh và báo cáo các kết quả đầu ra cụ thể từ các dữ liệu do khách hàng cung cấp hoặc nhập tin và xử lý dữ liệu tự động;	
12	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719	12	Bán lẻ tổng hợp khác	4719
13	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; - Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, v.v... - Hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử (Điều 63 Nghị định 52/2013 về thương mại điện tử)	6399	13	Hoạt động công tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; - Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, v.v... - Hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử (Khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ về Thương mại điện tử)	6390
14	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu	8219	14	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu	8210
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng Chi tiết: Dịch vụ trung gian thanh toán (khoản 10 điều 6 Luật ngân hàng nhà nước Việt Nam), dịch vụ ví điện tử (khoản 1 điều 1 Nghị định 80/2016/NĐ-CP ngày	8291	15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng Chi tiết: Dịch vụ trung gian thanh toán, dịch vụ ví điện tử, dịch vụ công thanh toán; Dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ; Dịch vụ hỗ trợ chuyển tiền điện tử;	8291

TRƯỚC KHI CẬP NHẬT			SAU KHI CẬP NHẬT		
STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành	STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
	01/07/2016), dịch vụ công thanh toán (điểm a, khoản 1, điều 15 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012) ; Dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ (điểm b, khoản 1, điều 15 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012); Dịch vụ hỗ trợ chuyển tiền điện tử (điểm b, khoản 1, điều 15 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012); Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (điều 15 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012, khoản 8 điều 1 Nghị định 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 và Điều 3 Nghị định 16/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019) (hoạt động theo Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Nhà nước)			Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (Điều 22 Nghị định 52/2024/NĐ-CP quy định về thanh toán không dùng tiền mặt) (hoạt động theo Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Nhà nước)	
16	Hoạt động viễn thông không dây	6120	16	Hoạt động viễn thông có dây, không dây và vệ tinh	6110
17	Hoạt động viễn thông có dây	6110	17	Hoạt động của cơ sở và địa điểm nghệ thuật	9031
18	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000	18	Hoạt động hỗ trợ khác cho sáng tạo nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật	9039
19	Lập trình máy vi tính	6201	19	Phát triển trò chơi điện tử, phần mềm trò chơi điện tử và các công cụ phần mềm trò chơi điện tử	6211
			20	Lập trình máy tính khác	6219
20	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202	21	Tư vấn máy tính và quản lý hệ thống máy tính	6220

TRƯỚC KHI CẬP NHẬT			SAU KHI CẬP NHẬT		
STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành	STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
21	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209	22	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác	6290

Lưu ý: Các ngành nghề kinh doanh hiện có của Công ty không thuộc danh mục điều chỉnh, bổ sung nêu trên vẫn được giữ nguyên và tiếp tục duy trì trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật.

